

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 12-4-2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Lê Thị Thu Hồng.

+ Bà Mai Thị Nhắc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Dương Thị Phương T** - Sinh năm: 1996, địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre, địa chỉ liên lạc: Số D, tổ nhân dân tự quản số G, ấp H, xã I, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn K** - Sinh năm: 1994; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 01 năm 2021, bản tự khai ngày 22 tháng 02 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Dương Thị Phương T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn K tìm hiểu nhau rồi tổ chức lễ cưới vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 15 tháng 7 năm 2016 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân của chị và anh K là không hạnh phúc mà nguyên nhân chủ yếu là do anh K không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc. Chị và gia đình đã khuyên rất nhiều lần nhưng anh K không sửa đổi nên dẫn đến việc cự cãi làm cho mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Chị và anh K đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay mà không thể đoàn tụ được. Chị T cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể đoàn tụ được, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh K, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Chị và anh K có một người con chung là Nguyễn Ngọc Y - Sinh ngày 01 tháng 01 năm 2017, hiện đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T trình bày là không có.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn K vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh về các vấn đề có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Dương Thị Phương T giữ nguyên lời trình bày, yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên.

Anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh đồng ý với lời trình bày của chị T về việc kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, thời gian sống ly thân, về người con chung. Tuy nhiên, anh K không đồng ý ly hôn với chị T vì cho rằng anh còn thương chị T, anh sẽ không tham gia chơi cờ bạc nữa và mong muốn được đoàn tụ để cùng chăm sóc cho người con; nếu Tòa án giải quyết anh và chị T phải ly hôn thì anh đồng ý để chị T được quyền nuôi con, nếu sau này chị T không chăm sóc tốt cho con thì anh sẽ yêu cầu được quyền nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, về nợ chung là không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện

kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Phương T: Về hôn nhân: Chị Dương Thị Phương T được ly hôn với anh Nguyễn Văn K. Về con chung: Chị T được quyền nuôi người con chung giữa chị với anh K là Nguyễn Ngọc Y - Sinh ngày 01 tháng 01 năm 2017, hiện đang sống chung với chị T, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu; về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Dương Thị Phương T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” với anh Nguyễn Văn K có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh Nguyễn Văn K vắng mặt tại phiên hòa giải ngày 09 tháng 3 năm 2021, chị Dương Thị Phương T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Việc kết hôn, đăng ký kết hôn giữa chị T với anh K là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận. Chị T cho rằng cuộc hôn nhân đã không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh K. Anh K không đồng ý ly hôn vì cho rằng anh còn thương chị T nên mong muốn được đoàn tụ để cùng chăm sóc cho người con chung. Trên cơ sở lời trình bày của chị T, anh K, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định được giữa chị T và anh K có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay mà không thể đoàn tụ được, giữa anh chị không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà mạnh ai nấy sống. Anh K không đồng ý ly hôn nhưng lại không cùng chị T chăm lo cho gia đình, trong khi đó chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh K, từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T với K đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn với anh K là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị T và anh K có một người con chung là Nguyễn Ngọc Y - Sinh ngày 01 tháng 01 năm 2017. Người con này hiện đang sống chung với chị T. Tại phiên tòa, anh K cũng đồng ý giao con cho chị Thúy nuôi nếu như anh và chị T phải ly hôn. Chị T cũng đảm bảo tốt việc chăm sóc, nuôi dưỡng con

nên giao cháu Nguyễn Ngọc Y cho chị T tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Chị T, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, đồng thời trình bày là không có nợ chung; Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Phương T. Cụ thể như sau:

1/ Về hôn nhân: Chị Dương Thị Phương T được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

2/ Về con chung:

2.1) Chị Dương Thị Phương T được quyền tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng người con chung giữa chị với anh Nguyễn Văn K là: Nguyễn Ngọc Y - Sinh ngày 01 tháng 01 năm 2017 (hiện đang sống chung với chị T) cho đến khi Nguyễn Ngọc Y đủ mười tám tuổi. Anh Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

2.2) Anh Nguyễn Văn K có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Nguyễn Văn K lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Dương Thị Phương T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyễn Văn K.

2.3) Vì lợi ích của con chung, chị Dương Thị Phương T, anh Nguyễn Văn K, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị Phương T phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005879 ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre, chị Dương Thị Phương T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã I;
- VKSND huyện Mô Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyễn

